

ĐỀ 1

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Kết quả của phép tính $6,79 \times 100$ là:

- A. 67,9 B. 0,679 C. 0,0679 D. 679

Câu 2: Chu vi hình chữ nhật có chiều dài 1,75 m, chiều rộng 0,25 m là:

- A. 0,4375m B. 4 m² C. 0,4375 m² D. 4 m

Câu 3: Diện tích hình chữ nhật có chiều dài 30 cm, chiều rộng 20 cm là:

- A. 600 cm² B. 100 cm² C. 50 cm² D. 700 cm²

Câu 4: 8,2 m =cm. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A. 820 cm B. 82 cm C. 8200 cm D. 0,82 cm

Câu 5: $344 \text{ hm}^2 = \text{.....km}^2$. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A. 344 km² B. 3,44 km² C. 3440 km² D. 0,344 km²

Câu 6: $\frac{1}{4}$ tấn = tạ . Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A. 25 tạ B. 2,5 tạ C. 7,5 tạ D. 75 tạ

PHẦN II: TỰ LUẬN

Câu 1: Đặt tính rồi tính:

a) $375,86 + 29,05$

b) $48,16 \times 3,4$

c) $42,77 : 7$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 2: Sắp xếp các số thập phân sau theo thứ tự từ bé đến lớn:

32,44; 23,175; 89,234; 45,18

.....
.....

Câu 3: a. Tìm x:

$x + 4,32 = 8,67$

b. Tính:

$5,9 \text{ tạ} : 2 - 1,6 \text{ tạ}$

c. Điền $> < =$

$89,78 \text{ tạ} \dots\dots 8978 \text{ kg}$

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 4: Khối Năm có 120 học sinh, trong đó có 35% là học sinh giỏi, 45% là học sinh khá, còn lại là học sinh trung bình. Hỏi khối Năm có bao nhiêu học sinh trung bình ?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 5: Một hình vuông được cắt ra thành các phần với diện tích như hình bên. Tính diện tích phần tô đậm

Bài giải

.....
.....
.....
.....



